

BỘ Y TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**TÊN NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG
NURSING**

MÃ NGÀNH: 6720301

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

Cần Thơ, năm 2019

BỘ Y TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**TÊN NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG
NURSING**

MÃ NGÀNH: 6720301

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

Cần Thơ, năm 2019

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số ngày tháng năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)*

Tên chương trình: Điều dưỡng – Nursing

Mã ngành đào tạo: 6720301

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Điều dưỡng

Thời gian đào tạo: 8 học kỳ chính. Tùy theo năng lực học tập, sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian hoàn thành chương trình. Thời gian tối đa được cộng thêm để hoàn thành chương trình đào tạo là 4 học kỳ, riêng các sinh viên được hưởng chính sách ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy được cộng thêm 2 học kỳ.

Ngày ban hành: ngày tháng năm 2019

Mục tiêu đào tạo: Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có ý thức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, theo tiêu chuẩn năng lực nghề điều dưỡng ở trình độ đại học, có sức khỏe, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Chuẩn đầu ra

- **CDR1:** Tuân thủ chính sách pháp luật và có trách nhiệm với xã hội
- **CDR2:** Ứng dụng ít nhất một ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong giao tiếp, thu thập thông tin và thực hành nghề nghiệp.
- **CDR3:** Có sức khỏe và phát triển được năng lực tự học, tự nghiên cứu, các kỹ năng mềm để thực hiện và phát triển nghề nghiệp.
- **CDR4:** Thực hiện thành thạo các kỹ năng điều dưỡng để nhận định nhu cầu của đối tượng chăm sóc
- **CDR5:** Lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc hiệu quả các bệnh thường gặp.
- **CDR6:** Phát hiện sớm và phối hợp thực hiện sơ cứu, cấp cứu hiệu quả các tình huống cấp cứu.
- **CDR7:** Tham gia công tác quản lý hành chính, trang thiết bị y tế, kiểm soát nhiễm khuẩn.
- **CDR8:** Thực hiện công tác giáo dục, quản lý và chăm sóc sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng.

- **CĐR9:** Phân tích được cơ cấu tổ chức và các nguyên lý quản lý y tế trong thực hành nghề nghiệp.

Số tín chỉ yêu cầu: 140 tín chỉ (132 tín chỉ bắt buộc, 08 tín chỉ tự chọn).

Tiêu chí tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và đào tạo và đề án tuyển sinh của trường ĐHYD Cần Thơ. Đối tượng tuyển sinh là thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Xét tuyển kết quả kỳ thi THPT quốc gia của 03 môn Toán, Hóa và Sinh (không nhân hệ số). Trường hợp nhiều thí sinh đồng điểm xét tuyển, ưu tiên chọn môn Toán xét tuyển điểm từ cao xuống thấp theo chỉ tiêu. Trường hợp thí sinh là người nước ngoài xét tuyển kết quả học tập THPT và kết quả kiểm tra kiến thức, năng lực tiếng Việt.

Cấu trúc chương trình dạy học:

Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Phân bố TC			Mức độ đóng góp vào CĐR
			LT	TH	TH	
Kiến thức chung						
CB0301	Những nguyên lý cơ bản của Chủ Nghĩa Mác Lênin I	2	2	0	4	H: PLO1 S: PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
CB0302	Những nguyên lý cơ bản của Chủ Nghĩa Mác Lênin II	3	3	0	6	H: PLO1 S: PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
CB0303	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	H: PLO1 S: PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
CB0304	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	6	H: PLO1 S: PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
CB0101	Anh văn chuyên ngành I	2	2	0	4	H: PLO2, 3 S: PLO1, 4, 5, 6, 7, 8, 9
CB0103	Anh văn chuyên ngành II	3	3	0	6	H: PLO2, 3 S: PLO1, 4, 5, 6, 7, 8, 9
CB0104	Anh văn chuyên ngành III	3	3	0	6	H: PLO2, 3 S: PLO1, 4, 5, 6, 7, 8, 9

CB0405	Tin học đại cương	2	1	1	2	H: PLO2 S: PLO1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
CB0503	Giáo dục thể chất	3	1	2	2	H: PLO3 S: PLO1, 2, 4, 5, 6, 7, 8
	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	0	6	H: PLO1 S: PLO3
	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	0	4	H: PLO1 S: PLO3
	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	1	4	H: PLO1 S: PLO3
	Giáo dục quốc phòng – an ninh IV	1	1	0	2	H: PLO1 S: PLO3
Kiến thức cơ sở khối ngành						
CB0401	Xác suất - Thống kê y học	2	2	0	4	H: PLO3 S: PLO1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9
CB0205	Hóa học	2	1	1	2	H: PLO3 S: PLO1, 2, 4, 5, 6, 7, 8
CB0502	Sinh học và Di truyền	2	1	1	2	H: PLO3 S: PLO1, 2, 4, 5, 6, 7
CB0404	Vật lý và Lý sinh	2	1	1	2	H: PLO3, 5 S: PLO1, 2, 4, 6, 7, 8, 9
YT0122	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	1	1	0	2	H: PLO1, 2, 3
YT0401	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	2	2	0	4	H: PLO3, 7, 8 S: PLO1, 2, 4, 5, 6, 9
Kiến thức cơ sở ngành						
YY0104	Giải phẫu	3	2	1	4	H: PLO3, 4, 5, 6, 7, 8 S: PLO1, 2
YY0404	Sinh lý	3	2	1	4	S: PLO2, 3, 4, 5,

						6, 7, 8, 9
YY0602	Hóa sinh	3	2	1	4	H: PLO4, 5, 7 S: PLO3, 6, 8, 9
YY0702	Vi sinh	2	1	1	2	H: PLO4, 5, 6, 7, 8 S: PLO3, 9
YY0802	Ký sinh trùng	2	1	1	2	H: PLO5, 6, 8 S: PLO1, 2, 3, 4, 7, 9
YY0501	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	1	4	H: PLO5 S: PLO1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9
DK0301	Dược lý	3	2	1	4	H: PLO2, 3, 5, 6, 7, 8 S: PLO1, 4, 9
YT0417	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	1	1	0	2	H: PLO3, 5, 6, 8 S: PLO1, 2, 4, 7, 9
YT0505	Dinh dưỡng - Tiết chế	3	2	1	4	S: PLO1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
YT0306	Sức khỏe môi trường	2	1	1	2	H: PLO4, 7, 8, 9 S: PLO1, 2, 3, 5, 6
YT0101	Dịch tễ học	2	1	1	2	S: PLO1, 2, 3, 6, 8
YT0424	Pháp luật – Tổ chức Y tế	2	1	1	2	H: PLO3, 5, 6, 7 S: PLO1, 2, 4, 8, 9
YY2501	Y học cổ truyền	2	1	1	2	S: PLO1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
Kiến thức chuyên ngành						
DD0105	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp	3	2	1	4	S: PLO1, 2, 4, 5, 7, 8, 9
DD0110 DD0111	Điều dưỡng cơ sở I	4	2	2	4	H: PLO4, 7 S: PLO1, 2, 3, 5, 6, 8, 9
DD0108	Điều dưỡng cơ sở II	3	1	2	2	H: PLO5, 6

DD0109						S: PLO1, 2, 3, 4, 7, 8, 9
DD0107	Thực tập lâm sàng Điều dưỡng cơ sở	2	0	2	0	H: PLO4 S: PLO1, 2, 5, 6, 8, 9
DD0511	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành nghề nghiệp	2	1	1	2	H: PLO1, 4, 5, 6 S: PLO2, 3, 7, 8, 9
DD0202	Giáo dục sức khỏe trong thực hành nghề nghiệp	2	1	1	2	H: PLO4, 5, 8, 9 S: PLO6
DD0301 DD0302	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa I	9	4	5	8	H: PLO4, 5, 6 S: PLO3, 7, 8
DD0303 DD0304	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa II	9	4	5	8	H: PLO4, 5, 6 S: PLO3, 7, 8
DD0305 DD0306	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa III	9	4	5	8	H: PLO4, 5, 6 S: PLO3, 7, 8
DD0401 DD0402	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa I	9	4	5	8	H: PLO4, 5, 6 S: PLO1, 3, 7, 8, 9
DD0403 DD0404	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa II	9	4	5	8	H: PLO4, 5, 6 S: PLO1, 3, 7, 8, 9
DD0405 DD0406	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa III	9	4	5	8	H: PLO4, 5, 6 S: PLO1, 3, 7, 8, 9
DD0329 DD0330	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2	1	1	2	H: PLO4, 5, 6 S: PLO3, 7, 8
DD0332 DD0333	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2	1	1	2	H: PLO4, 5, 6 S: PLO1, 7, 8
DD0334 DD0335	Chăm sóc sức khỏe người bệnh tâm thần	2	1	1	2	H: PLO4 S: PLO2, 5, 6, 7, 8
DD0315 DD0316	Chăm sóc sức khỏe trẻ em I	4	2	2	4	H: PLO4, 5, 7 S: PLO3, 6, 8
DD0317 DD0318	Chăm sóc sức khỏe trẻ em I, II	4	2	2	4	H: PLO4, 5, 7 S: PLO3, 6, 8
DD0313	Chăm Sóc sức khỏe người	1	1	0	2	H: PLO4, 5

	cao tuổi					S: PLO6, 8
DD0205 DD0206	Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng	3	1	2	2	H: PLO8, 9 S: PLO1, 4, 5, 7
DD0423 DD0424	Sức khỏe bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng I	4	2	2	4	H: PLO4, 6, 7, 8 S: PLO3, 5
DD0425 DD0426	Sức khỏe bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng II	4	2	2	4	H: PLO4, 6, 7, 8 S: PLO3, 5
YY1403	CSSK cho người cần được phục hồi chức năng	2	1	1	2	H: PLO4, 5, 7, 8 S: PLO1, 2, 3, 6, 9
DD0106	Quản lý điều dưỡng	2	1	1	2	H: PLO1, 7, 8 S: PLO2, 9
DD0001	Kiến thức chuyên ngành tổng hợp	3	3	0	6	H: PLO4, 5, 6 S: PLO1, 7, 8, 9
DD0336 DD0337	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Nội khoa	8	2	6	4	H: PLO4, 5 S: PLO6
DD0431 DD0432	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Ngoại khoa	8	2	6	4	H: PLO4, 5 S: PLO3, 6, 7, 8
DD0338 DD0339	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Nhi khoa	8	2	6	4	H: PLO4, 5, 7 S: PLO3, 6

Chú thích: S (Support): đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra

Khoa quản lý chương trình đào tạo: Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học

Chứng nhận Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục: 81/QĐ-CEA.UD, ngày 02 tháng 6 năm 2018.

MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin I (2:2:0)

Đây là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản nghiên cứu những quy luật chung nhất của thế giới, về vị trí và vai trò của con người trong thế giới. Học phần này cung cấp những kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nội dung học phần sẽ hình thành thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động thực tiễn của chủ thể nhận thức.

2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin II (3:3:0)

Đây là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản nghiên cứu những quy luật kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần này cung cấp những kiến thức về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng XHCN, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. Nội dung học phần giúp sinh viên hiểu được các quy luật kinh tế chính trị và xây dựng niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa xã hội khoa học.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2:2:0)

Đây là học phần thuộc kiến thức khoa học cơ bản nghiên cứu về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp những kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc, về chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc, về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Học phần giúp sinh viên nâng cao ý thức học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong học tập và cuộc sống.

4. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (3:3:0)

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Nội dung làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam – chủ thể hoạch định đường lối cách mạng. Học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản về đường lối đấu tranh cách mạng, đường lối xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Nội dung học phần góp phần xây dựng niềm tin vào đường lối cách mạng, vào sự lãnh đạo của Đảng cho sinh viên.

5. Anh văn chuyên ngành 1 (2:2:0)

Học phần Anh văn chuyên ngành I thuộc kiến thức giáo dục đại cương, giới thiệu các chủ điểm liên quan đến các chủ đề hướng dẫn sử dụng thuốc, mô tả các đơn vị, nhân sự trong bệnh viện, các bộ phận cơ thể, hệ hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa. Học phần này trang bị cho người học từ vựng liên quan đến các chủ điểm đã được đề cập ở trên.

6. Anh văn chuyên ngành 2 (3:3:0)

Học phần Anh văn chuyên ngành II thuộc kiến thức giáo dục đại cương, giới thiệu các chủ điểm liên quan đến hệ trong cơ thể như máu, xương, da, khai thác bệnh sử, mô tả triệu chứng, thăm khám và các chuyên khoa y học gia đình, nhi. Học phần này trang bị cho người học từ vựng liên quan đến các chủ điểm đã được đề cập ở trên.

7. Anh văn chuyên ngành 3 (3:3:0)

Học phần Anh văn chuyên ngành III thuộc kiến thức giáo dục đại cương, giới thiệu các chủ điểm liên quan đến các hệ trong cơ thể như nội tiết, sinh sản, tiết niệu, xét nghiệm, chẩn đoán, các chuyên khoa ngoại, sản và công việc điều dưỡng. Học phần này trang bị cho người học từ vựng liên quan đến các chủ điểm đã được đề cập ở trên.

8. Tin học đại cương (2:1:1)

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản, cần thiết về công nghệ thông tin và máy tính bao gồm các kiến thức cơ bản như: Hệ điều hành Windows, hệ soạn thảo văn bản Microsoft Word; nhập và xử lý số liệu Microsoft Excel; thiết kế trình chiếu Microsoft PowerPoint; sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet. Nội dung học phần này sẽ là kiến thức nền tảng cho học phần Tin học Ứng dụng. Ngoài ra, người học có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho việc học tập và nghiên cứu khoa học được nâng cao hơn.

9. Giáo dục thể chất (3:1:2)

Học phần Giáo dục thể chất thuộc kiến thức giáo dục đại cương, giúp sinh viên hiểu biết được cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao và trang bị cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản, luật thi đấu và phương pháp trọng tài của các môn bóng chuyền, bóng đá, cầu lông. Bên cạnh đó giúp các sinh viên nắm vững được các kỹ thuật cơ bản của 1 trong 3 môn thể thao tự chọn gồm các môn như: bóng chuyền, bóng đá, cầu lông. Ngoài ra học phần cũng hỗ trợ sinh viên tích cực tham gia chơi các môn thể thao ngoại khóa nhằm nâng cao sức khỏe và thể chất cho sinh viên.

10. Giáo dục quốc phòng an ninh 1 (2:2:0)

Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ

11. Giáo dục quốc phòng an ninh 2 (2:2:0)

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

12. Giáo dục quốc phòng an ninh 3 (3:1:2)

Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, Phòng chống địch tiến công bằng VKCNC, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (Cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.

13. Giáo dục quốc phòng an ninh 4 (1:1:0)

Giới thiệu lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang.

14. Xác suất – thống kê y học (2:2:0)

Học phần Xác suất - Thống kê y học là môn cơ sở của khối ngành khoa học sức khỏe. Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về xác suất phục vụ cho thống kê, các khái niệm cơ bản trong thống kê, các phương pháp thu thập và trình bày dữ liệu; ước lượng tham số của tổng thể bằng khoảng tin cậy đối xứng; kiểm định giả thuyết một mẫu, hai mẫu và nhiều mẫu độc lập; phân tích phương sai, phân tích hồi quy và tương quan giữa 2 biến ngẫu nhiên. Nội dung học phần làm nền tảng để giải thích ý nghĩa của các thông số khi phân tích số liệu thống kê trong nghiên cứu khoa học sức khỏe.

15. Hóa học (2:1:1)

Hóa học là học phần kiến thức cơ sở khối ngành khoa học sức khỏe, cung cấp kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, tính chất các nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn, cấu tạo phân tử, liên kết hóa học, các nguyên lý cơ bản của nhiệt động lực học, động hóa học, cân bằng hóa học, dung dịch các chất điện ly, dung dịch keo và điện hóa học, làm cơ sở để học tập các học phần tiếp theo trong chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng.

16. Vật lý và lý sinh (2:1:1)

Vật lý và Lý sinh là học phần cơ sở tương đối quan trọng cho khối ngành khoa học sức khỏe. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vật lý có nhiều ứng dụng như sóng âm, dòng điện trong cơ thể, phóng xạ sinh học, các nguyên lý chính trong các thiết bị y tế... và giải thích các hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống; các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chuẩn đoán và điều trị. Học xong học phần này sẽ làm nền tảng để học các môn chuyên ngành và giải thích được các hiện tượng vật lý liên quan đến cơ thể sống.

17. Sinh học và di truyền (2:1:1)

Nội dung môn học mô tả các nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại nhất như sinh học phân tử, sinh học tế bào và sinh học phát triển. Đồng thời học phần còn

bao quát các kiến thức về cơ sở vật chất, đặc điểm các quy luật di truyền chi phối các tính trạng người.

18. Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe (1:1:0)

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe thuộc kiến thức ngành cung cấp các kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu, đánh giá một nghiệm pháp chẩn đoán, cách viết một đề cương nghiên cứu khoa học.

19. Tâm lý y học – đạo đức y học (2:2:0)

Học phần này thuộc Kiến thức cơ sở khối ngành, gồm hai phần:

- Tâm lý học: mô tả các hiện tượng tâm lý, trình bày những quy luật nảy sinh hình thành, phát triển và biểu hiện các hiện tượng tâm lý con người, ứng dụng các kiến thức và kỹ năng tâm lý học vào việc tiếp cận, quan sát, giao tiếp trong thực hành y tế với bệnh nhân và đồng nghiệp.

- Đạo đức y học: trình bày các khái niệm, nguyên tắc đạo đức cơ bản trong thực hành y khoa, những quy định về đạo đức khi tiến hành nghiên cứu khoa học, nghĩa vụ của người cán bộ y tế đối với bệnh nhân và xã hội, những nội dung đặc trưng của đạo đức người cán bộ y tế.

Học phần Tâm lý học- đạo đức y học liên quan mật thiết đến môn học Khoa học hành vi- giáo dục sức khỏe.

20. Giải phẫu (3:2:1)

Giải phẫu người là học phần giới thiệu cho sinh viên biết về hình thái của cơ thể người bình thường. Sinh viên được học lý thuyết về cấu tạo các hệ cơ quan của cơ thể và thực hành trên mô hình, xác ướp để mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong của các bộ phận, cơ quan, hệ cơ quan và mối liên quan của chúng với nhau.

21. Sinh lý (3:2:1)

Sinh lý học là môn học cơ sở quan trọng của y học nghiên cứu về các chức năng bình thường của cơ thể sống, mà chủ yếu là cơ chế thực hiện và điều hòa hoạt động chức năng. Học phần giới thiệu các vấn đề cơ bản của cơ thể sống với đơn vị sống là các tế bào, hai cơ chế điều hòa hoạt động của cơ thể là cơ chế thần kinh và thể dịch. Học phần này cũng đề cập đến sinh lý các cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể. Những kiến thức chung này có thể được vận dụng để giải thích một số rối loạn chức năng, sinh bệnh học, các kết quả xét nghiệm, thăm dò chức năng.

22. Hóa sinh (3:2:1)

Học phần Hóa sinh thuộc kiến thức cơ sở ngành, giới thiệu những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh bao gồm: các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào của cơ thể sống; trình bày nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa

một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường; vận dụng và liên hệ những kiến thức hóa sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học. Phần hóa sinh lâm sàng sẽ trang bị cho sinh viên những vấn đề chung của hóa sinh lâm sàng như: cách trình bày kết quả xét nghiệm và ý nghĩa của các xét nghiệm hóa sinh trong lâm sàng, biện luận các kết quả hóa sinh trong máu, nước tiểu và dịch cơ thể có liên quan đến bệnh lý của các cơ quan như gan, thận,... giải thích một số rối loạn chức năng cơ quan trong cơ thể.

23. Vi sinh (3:2:1)

Học phần Vi sinh thuộc kiến thức cơ sở ngành gồm 2 phần: Vi sinh học đại cương và Vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp. Vi sinh học đại cương: trình bày đại cương về đặc điểm vi sinh học của vi sinh vật gây bệnh; mối liên hệ giữa vi sinh vật, môi trường và cơ thể; cơ chế gây bệnh của vi sinh vật và phản ứng của cơ thể đối với tình trạng nhiễm vi sinh vật; các nguyên tắc chung về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh nhiễm vi sinh vật. Vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp: trình bày đặc điểm vi sinh học, tính chất kháng nguyên và miễn dịch, khả năng gây bệnh, kỹ thuật chẩn đoán, nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật thường gặp.

24. Ký sinh trùng (2:1:1)

Ký sinh trùng là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hình thể, chu trình phát triển, bệnh lý, chẩn đoán và các bệnh Ký sinh trùng phổ biến ở Việt Nam. Bên cạnh đó còn giúp cho sinh viên có khả năng tư vấn cho cá nhân và cộng đồng về biện pháp phòng bệnh Ký sinh trùng.

25. Sinh lý bệnh – miễn dịch (3:2:1)

Học phần Sinh lý bệnh-Miễn dịch là một môn học ghép giữa hai môn Sinh lý bệnh học và Miễn dịch học. Học phần này sẽ cung cấp cho người học kiến thức về sinh lý bệnh đại cương và sinh lý bệnh cơ quan (các khái niệm cơ bản trong sinh bệnh học; các quy luật hoạt động của cơ thể bệnh trong các quá trình bệnh bệnh lý; những thay đổi chức năng của các cơ quan khi bị tổn thương trong các bệnh lý) và miễn dịch học (kiến thức miễn dịch học đại cương, nghiên cứu các khái niệm cơ bản về hệ thống đáp ứng miễn dịch trong cơ thể và ý nghĩa của đáp ứng miễn dịch đối với cơ thể).

26. Dược lý (3:2:1)

Học phần Dược lý thuộc kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thuốc, cơ chế tác dụng và tác dụng dược lý của các nhóm thuốc; áp dụng điều trị và tác dụng không mong muốn của từng nhóm thuốc; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc và những vấn đề liên quan đến điều trị để thầy thuốc có thể hướng dẫn sử dụng thuốc hiệu quả, hợp lý và an toàn.

27. Sức khỏe - nâng cao sức khỏe và hành vi con người (1:1:0)

Học phần Sức khỏe - nâng cao sức khỏe và hành vi con người, nhằm cung cấp cho sinh viên ngành điều dưỡng những kiến thức cơ bản về sức khỏe, giáo dục sức khỏe (GDSK), nâng cao sức khỏe (NCSK); Các khái niệm về hành vi con người, mối liên quan giữa hành vi con người với các vấn đề sức khỏe; Các phương pháp và kỹ năng cơ bản trong truyền thông GDSK, trong lập kế hoạch và giám sát hoạt động giáo dục NCSK.

Học phần này giúp sinh viên được nâng cao kiến thức, hình thành và hoàn thiện những kỹ năng này trong quá trình học tập và thực hành nghề nghiệp sau này để góp phần trong công tác giáo dục sức khỏe, chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân và cộng đồng..

28. Dinh dưỡng – tiết chế (3:2:1)

Dinh dưỡng – Tiết chế là học phần cơ sở ngành cung cấp lĩnh vực kiến thức có ứng dụng rộng rãi trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người liên quan đến dinh dưỡng. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chất dinh dưỡng trong các loại thực phẩm phổ biến, và các vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng liên quan đến mất cân bằng dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên có khả năng đánh giá tình trạng dinh dưỡng cũng như những điều kiện đảm bảo trong công tác quản lý vệ sinh phòng chống ngộ độc thực phẩm trong cộng đồng và chăm sóc, tư vấn dinh dưỡng cho bệnh nhân

29. Sức khỏe môi trường (2:1:1)

Học phần sức khỏe môi trường cung cấp cho người học các kiến thức liên quan đến sức khỏe và môi trường, mối quan hệ giữa sức khỏe, môi trường và bệnh tật; các yếu tố môi trường ảnh hưởng lên sức khỏe và các tác động gây ô nhiễm môi trường; từ đó đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường, cải thiện và phòng chống ô nhiễm môi trường.

30. Dịch tễ học (2:1:1)

Học phần cung cấp các kiến thức về nguyên lý và phương pháp dịch tễ học ứng dụng trong việc mô tả các vấn đề sức khỏe cộng đồng, nguyên lý dịch tễ học và biện pháp phòng chống các bệnh truyền nhiễm, không truyền nhiễm và chấn thương, các hình thức giám sát dịch tễ học.

31. Pháp luật – tổ chức y tế (2:1:1)

Học phần này là học phần cơ sở ngành có nội dung gồm kiến thức chung nhất về nhà nước và pháp luật; những quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và hành nghề Điều dưỡng. Kiến thức về hệ thống tổ chức, quản lý và hoạt động của ngành Y tế nói chung và của ngành Điều dưỡng Việt Nam. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức quản lý của người Điều dưỡng và hệ thống tổ chức Điều dưỡng.

32. Y học cổ truyền (2:1:1)

Y học cổ truyền là học phần chuyên khoa đặc biệt, giúp cho sinh viên vận dụng tốt chủ trương kết hợp Đông - Tây Y trong hoạt động chuyên môn của mình sau này. Nội dung học phần bao gồm những học thuyết của hệ lý luận cơ bản và phương pháp chẩn đoán bệnh theo y học cổ truyền, các phương pháp chữa bệnh bằng cách dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thông thường. Học phần này giúp người học nhận dạng được một số vị thuốc đông dược thông dụng, làm được các thủ thuật châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt,... để điều trị một số bệnh thường gặp.

33. Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng (3:2:1)

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức về kỹ năng giao tiếp cơ bản giữa cán bộ y tế với đồng nghiệp, cộng đồng, người bệnh và thân nhân của người bệnh trong quá trình thực hiện công tác chuyên môn. Học phần này giúp sinh viên vận dụng tốt kỹ năng giao tiếp vào công tác điều dưỡng và nâng cao chất lượng chăm sóc, góp phần tăng cường sự hài lòng người bệnh.

34. Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng (2:1:1)

Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp, nội dung, phương tiện, các kỹ năng giáo dục sức khỏe, vai trò của người điều dưỡng trong việc nâng cao sức khỏe, thể trạng của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Học phần giúp sinh viên vận dụng và phát huy khả năng quyết định lựa chọn những phương pháp, phương tiện và kỹ năng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng trong bệnh viện, gia đình và cộng đồng.

35. Điều dưỡng cơ sở 1 (4:2:2)

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử, đặc điểm và sự phát triển của ngành điều dưỡng, những kiến thức cơ bản trong công tác chăm sóc người bệnh và một số kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Nội dung học phần sẽ làm nền tảng để sinh viên vận dụng vào công tác chăm sóc người bệnh trên lâm sàng.

36. Điều dưỡng cơ sở 2 (3:1:2)

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về chăm sóc người bệnh và các kỹ thuật điều dưỡng, sơ cấp cứu ban đầu và kỹ năng thăm khám thể chất. Nội dung học phần sẽ làm nền tảng để sinh viên vận dụng vào công tác chăm sóc người bệnh trên lâm sàng.

37. Thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở (2:0:2)

Học phần này giúp sinh viên ứng dụng những kiến thức, kỹ năng được học ở học phần Điều dưỡng cơ sở I – II để thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và kỹ năng thăm khám thể chất cho người bệnh trên lâm sàng. Học phần cũng giúp sinh viên bước đầu tiếp xúc và làm quen với người bệnh và môi trường bệnh viện.

38. Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng (2:1:1)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện; các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn; vai trò nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn. Sinh viên Điều dưỡng có thể vận dụng kiến thức môn học trong quá trình hành nghề điều dưỡng trong việc tạo ra môi trường chăm sóc tốt, đảm bảo an toàn người bệnh.

39. Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 1 (3:1:2)

Nội dung học phần chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa I bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh nội khoa về tim mạch, hô hấp và tiết niệu. Qua các phương pháp giảng dạy đa dạng giúp trang bị kiến thức cho sinh viên để ứng dụng thực hành chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và thực hiện quy trình chăm sóc cho người lớn mắc các bệnh nội khoa về tim mạch, hô hấp và tiết niệu.

40. Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 2 (2:1:1)

Nội dung học phần chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa II bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh nội khoa về tiêu hóa, huyết học và nội tiết. Qua các phương pháp giảng dạy đa dạng giúp trang bị kiến thức cho sinh viên để ứng dụng thực hành chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và thực hiện quy trình chăm sóc cho người lớn mắc các bệnh nội khoa về tiêu hóa, huyết học và nội tiết.

41. Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa 3 (4:2:2)

Nội dung học phần chăm sóc người lớn có bệnh nội khoa III bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh nội khoa về lao, da liễu, thần kinh; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nội khoa, giáo dục tư vấn phòng bệnh lao, da liễu, thần kinh.

42. Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực (2:1:1)

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc người bệnh trong tình trạng cấp cứu, nguy kịch và chăm sóc đặc biệt; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch, chăm sóc đặc biệt.

43. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (1:1:0)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về những thay đổi về tâm sinh lý và các vấn đề sức khỏe của người cao tuổi; Nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi và vai trò của người điều dưỡng.

44. Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 1 (3:1:2)

Giới thiệu các kiến thức cơ bản cho sinh viên trong quá trình thực tập lâm sàng chăm sóc điều dưỡng về Ngoại khoa. Sinh viên được hướng dẫn các kiến thức rất cần thiết trong vô khuẩn ngoại khoa và có khả năng chăm sóc người bệnh nhiễm

trùng trong ngoại khoa. Thêm vào đó, học phần còn cung cấp thêm những kiến thức, kỹ năng chăm sóc người bệnh mắc những bệnh lý thường gặp về ngoại tổng quát và ngoại niệu.

45. Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2 (2:1:1)

Học phần này cung cấp những kiến thức tối thiểu cần trang bị cho người điều dưỡng nhằm chăm sóc người bệnh mắc các bệnh lý về ngoại chấn thương chỉnh hình-bồng và ngoại lồng ngực. Trang bị các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, và sơ lược về điều trị các bệnh lý về chấn thương chỉnh hình-bồng và ngoại lồng ngực. Thêm vào đó, học phần còn giúp các sinh viên có thể nhận định được tình trạng bệnh, chẩn đoán điều dưỡng, lên kế hoạch chăm sóc và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc các bệnh lý về chấn thương chỉnh hình - bồng và ngoại lồng ngực.

46. Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 3 (4:2:2)

Học phần Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 3 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển, biến chứng, sơ lược về điều trị và cách chăm sóc các bệnh lý thường gặp về các chuyên khoa tai mũi họng, mắt, răng hàm mặt. Học phần này còn giúp sinh viên có khả năng thực hành chăm sóc người bệnh ở lâm sàng và thực hiện được việc giáo dục sức khỏe trong chăm sóc người bệnh mắc các bệnh thường gặp về tai mũi họng, mắt, răng hàm mặt.

47. Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng 1 (2:1:1)

Nội dung của học phần này bao gồm những kiến thức căn bản về sức khỏe sinh sản của người phụ nữ. Sau khi học xong, sinh viên sẽ lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho sản phụ và sơ sinh.

48. Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng 2 (2:1:1)

Nội dung của học phần này bao gồm những kiến thức căn bản về các bệnh lý thường gặp trong sản và phụ khoa. Sau khi học xong, sinh viên sẽ lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh lý thường gặp trong sản và phụ khoa..

49. Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 (2:1:1)

Nội dung học phần chăm sóc sức khỏe trẻ em I bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh lý, bệnh lý ở trẻ em qua các giai đoạn phát triển. Qua các phương pháp giảng dạy đa dạng giúp trang bị kiến thức cho sinh viên để ứng dụng thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em và thực hiện quy trình chăm sóc cho trẻ khi mắc các bệnh lý về hô hấp và tiêu hóa.

50. Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 (2:1:1)

Nội dung học phần chăm sóc sức khỏe trẻ em II bao gồm những kiến thức cơ bản về kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ em, các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nhi khoa các chuyên đề về tim mạch – thận, dinh dưỡng và truyền nhiễm. Qua các

phương pháp giảng dạy đa dạng giúp trang bị kiến thức cho sinh viên để ứng dụng vào thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em và thực hiện quy trình chăm sóc hiệu quả cho trẻ khi mắc các bệnh lý về tim mạch – thận, dinh dưỡng và truyền nhiễm.

51. Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm (2:1:1)

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về bệnh truyền nhiễm, chăm sóc điều dưỡng người mắc bệnh truyền nhiễm; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc bệnh truyền nhiễm, lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh truyền nhiễm. Biết được quy trình báo và chăm sóc người bệnh truyền nhiễm khi có dịch xảy ra.

52. Chăm sóc sức khỏe tâm thần (2:1:1)

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về chuyên ngành tâm thần, các chủ đề sức khỏe tâm thần hiện nay, cách nhận định các triệu chứng - hội chứng tâm thần cần chăm sóc, cách thức phối hợp xử trí cấp cứu và theo dõi các rối loạn tâm thần, các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cho bệnh nhân nội trú, cách thức tổ chức chăm sóc và theo dõi bệnh nhân tâm thần ở cộng đồng.

53. Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng (2:1:1)

Nội dung gồm quá trình khuyết tật, các biện pháp phòng ngừa khuyết tật, các hình thức phục hồi chức năng, vai trò của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, các phương thức vật lý trị liệu, vận động trị liệu, các dụng cụ phục hồi chức năng... Học phần giới thiệu vai trò của người điều dưỡng trong việc khám, lượng giá và lập kế hoạch chăm sóc cho các bệnh nhân mắc các bệnh thường gặp được điều trị bằng phương pháp vật lý trị liệu-phục hồi chức năng.

54. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng (3:1:2)

Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp, nội dung, phương tiện, các kỹ năng giáo dục sức khỏe, vai trò của người điều dưỡng trong việc nâng cao sức khỏe, thể trạng của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Học phần giúp sinh viên vận dụng và phát huy khả năng quyết định lựa chọn những phương pháp, phương tiện và kỹ năng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng trong bệnh viện, gia đình và cộng đồng.

55. Quản lý điều dưỡng (2:1:1)

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý và lãnh đạo điều dưỡng như: tổ chức, điều hành, giám sát, đánh giá công tác điều dưỡng, giải quyết vấn đề trong quản lý và viết chuyên đề. Học phần nhằm tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý, kỹ năng viết chuyên đề của đội ngũ điều dưỡng nhằm hướng tới nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh và hội nhập điều dưỡng.

56. Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh nội khoa (8:2:6)

Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc Nội là học phần rất quan trọng, để đào tạo sinh viên năm cuối có kiến thức cơ bản về định hướng chuyên khoa. Có khả

năng nhận định, đánh giá và xử trí cấp cứu cơ bản chuyên khoa chăm sóc Nội. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc các bệnh nội khoa thường gặp.

57. Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh ngoại khoa (8:2:6)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về ngoại thần kinh, để sinh viên có thể tiếp cận, nhận định và thực hành chăm sóc cho người bệnh mắc các bệnh lý về ngoại thần kinh. Bên cạnh đó, sinh viên còn được trang bị thêm kiến thức, cơ hội thực hành với các bệnh lý chấn thương cần sử dụng kỹ thuật cao để điều trị; cách chăm sóc người bệnh được điều trị với những phương pháp tân tiến nhất trong lĩnh vực ngoại chấn thương. Học phần cũng bổ sung một số kiến thức về 2 chuyên khoa ngoại tổng quát và ngoại niệu giúp sinh viên thực hành lâm sàng tốt hơn sau khi đã học xong học phần định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh ngoại khoa.

58. Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh nhi khoa (8:2:6)

Nội dung học phần Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh nhi khoa bao gồm những kiến thức cơ bản về kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ em, các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nhi khoa các chuyên đề về cấp cứu, sơ sinh và hồi sức tích cực. Qua các phương pháp giảng dạy đa dạng giúp trang bị kiến thức cho sinh viên để ứng dụng vào thực hành xử trí trường hợp nặng và cấp cứu, thực hiện quy trình chăm sóc hiệu quả cho trẻ khi mắc các bệnh lý cấp cứu, sơ sinh và hồi sức tích cực

59. Kiến thức chuyên ngành tổng hợp (3:3:0)

Nội dung ôn tập và thi gồm câu hỏi MCQ tích hợp kiến thức cơ sở và lâm sàng. Nội dung thi tập trung vào thực tiễn và giải quyết tình huống lâm sàng với 04 chuyên ngành, bao gồm: Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa, Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa, Chăm sóc sức khỏe Trẻ em, Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng.

Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp:

- Điều dưỡng, điều dưỡng trưởng tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.
- Giảng viên tại các cơ sở có giảng dạy chương trình đào tạo điều dưỡng, hộ sinh.
- Tiếp tục học bậc chuyên khoa cấp I, cấp II, thạc sĩ, nghiên cứu sinh ngành Điều dưỡng hoặc các ngành khoa học sức khỏe khác.